



UBND Phường Sông Công .

TPPT QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT
TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC II

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 854 /TB-CNTTPTQB

Đại Phúc, ngày 24 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, Đường
Trần Phú (Đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đi đường Trần Hưng Đạo (Đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phần quyền phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 thông qua ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị Quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 Của chủ tịch UBND phường Sông Công về việc phê duyệt dự án thành phần 1, bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường Trần Phú Đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đi đường Trần Hưng Đạo

Căn cứ Thông báo số 198/TB-SNNMT ngày 06/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên thông báo giá gạo tẻ thường tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện nội dung Thông báo số 148/TB-UBND ngày 14/7/2026 của UBND phường Sông Công thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Trần Phú Đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đi đường Trần Hưng Đạo;

Căn cứ hồ sơ thống kê, kiểm đếm và các giấy tờ pháp lý liên quan;

Sau khi lập xong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai 2024, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II, thực hiện niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, dự án Đường Trần Phú (Đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đi đường Trần Hưng Đạo (Đợt 1), cụ thể như sau:

I. Nội dung niêm yết:

Toàn bộ dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB trước khi trình thẩm định, phê duyệt của 78 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án Đường Trần Phú (Đoạn từ đường Cách mạng tháng 8 đi đường Trần Hưng Đạo) diện tích 3,42 ha, giá trị công khai 14,5 tỷ đồng, cụ thể:

(Có phương án chi tiết kèm theo)

II. Địa điểm niêm yết:

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công trụ sở UBND phường Sông Công và tại nhà văn hóa các TDP: 8 Cải Đan, 9 Cải Đan, phường Sông Công.

III. Thời gian niêm yết: 10 ngày làm việc, từ ngày 26/8/2026 đến hết ngày 08/9/2026.

IV. Người có ý kiến góp ý, kiến nghị về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB: Thì gửi phiếu đóng góp ý kiến về dự thảo phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II.

(Có mẫu Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này).

V. Thời gian tiếp nhận ý góp ý, kiến nghị: Từ ngày 26/8/2026 đến hết ngày 08/9/2026.

VI. Tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II kính mời các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) đến tham dự hội nghị lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sau khi hết thời gian niêm yết theo thông báo (Có giấy mời cụ thể). Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không

tham gia họp trực tiếp có lý do chính đáng thì gửi Phiếu đóng góp ý kiến trực tiếp đến chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II.

Trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản không nộp Phiếu đóng góp ý kiến gửi kèm Thông báo này được coi là đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II đề nghị UBND Phường Sông Công chỉ đạo cơ quan chuyên môn đăng tải dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên cổng thông tin điện tử của UBND phường.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II thông báo để UBND, Ủy ban MTTQ phường Sông Công; TDP 8 Cải Đan, 9 Cải Đan, phường Sông Công; các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi thực hiện dự án và các đối tượng liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND Phường Sông Công;
- Ủy ban MTTQ phường Sông Công;
- TDP 8 Cải Đan, 9 Cải Đan, phường Sông Công;
- Các hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi theo Mục 2 Phần I Thông báo này;
- Lưu: VT, CNTTPTQĐ, (..b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Anh

2.1. BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỎI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRẦN PHÚ (ĐOÀN TỰ ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THẮNG TÂM ĐI ĐƯỜNG TRẦN HƯNG ĐẠO) - ĐÓT 1
(Kèm theo Thông báo số:/TB-CNKV II ngàytháng năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II)



ST	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bãi thường về đất, bãi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bãi thường về cây hàng năm	Bãi thường, hỗ trợ tái sản	Các khoản hỗ trợ, thường khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15) = (5) + (6) + ... + (14)	
1	Dương Thị Phúc (SD: 019157000789) - Lọt, Sông Công	TDP 4 Thằng	278,4	25,056,000	2,728,320	16,884,000	75,168,000					2,784,000	1,392,000	124,012,320	
2	Đặng Quốc Việt - Đặng Cao Việt, Đồng Thị Vượng (SD: 019069001280, 019166001477) - Lọt, Sông Công	TDP 4 Thằng	256,6	23,094,000	8,981,000	20,260,800	69,282,000					2,566,000	1,283,000	125,466,800	
3	Lương Thị Sang (SD: 019175013478) - Đan	TDP 8 Cài	445,5	40,095,000	4,365,900	10,130,400	120,285,000					4,455,000	2,227,500	181,558,800	
4	Dương Văn Soán (SD: 019062008570) - Xuyên	TDP 2, phường Bả	344,5	31,005,000	3,376,100	13,507,200	93,015,000					3,445,000	1,722,500	146,070,800	
5	Nguyễn Thị Thuong (SD: 019164001349) - Đan	TDP 8 Cài	45,8	4,122,000	448,840	10,130,400	12,366,000					458,000	229,000	27,754,240	

ST	T	Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất										(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15) = (5) + (6) + ... + (14)
		Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản
	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Diện tích (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường về cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản	Bồi thường, hỗ trợ tái sản
6	Phạm Thị Thu, (SĐD: 019153000691) - (SĐD: 0388811772)	TDP 8 Cải Đan	852.4	76,716,000	8,353,520	23,637,600	230,148,000	8,524,000	4,262,000	351,641,120																
7	Trình Thị Cửu (SĐD: 0385818140) - SĐT: 0385818140	TDP 4 Thăng Lợ, p Sông Công	189.1	17,019,000	1,853,180	23,637,600	51,057,000	1,891,000	945,500	96,403,280																
8	Trình Thị Thủy (SĐD: 019178002372) - SĐT: 0982552589	TDP 8 Cải Đan	89.2	8,028,000	874,160	10,130,400	24,084,000	892,000	446,000	44,454,560																
9	Trình Thanh Hoài (SĐD: 019063001202) - SĐT: 0383753292	TDP 8 Cải Đan	232.9	20,961,000	1,831,580	20,260,800	62,883,000	2,329,000	1,164,500	109,429,880																
10	Trình Ngọc Căn (SĐD: 019051000333) - SĐT: 0984564976	TDP 8 Cải Đan	1,509.4	134,688,200	13,171,200	20,260,800	404,064,600	15,094,000	7,547,000	594,825,800																
11	Quản Thị Hoàn (SĐD: 019171001742) - SĐT: 0976594634	TDP 8 Cải Đan	166.5	14,985,000	1,631,700	10,130,400	44,955,000	1,665,000	832,500	74,199,600																
12	Phạm Văn Thành (SĐD: 019052000648)	TDP 8 Cải Đan	292.6	26,334,000	2,867,480		79,002,000	2,926,000	1,463,000	112,592,480																

ST	T	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5+6+...+14)
Tổng Cộng	Tên chủ sử dụng (Số định danh của thửa đất) nhân, số diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường về cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ tài sản	Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất										
						Hỗ trợ ổn định thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất nông, lâm nghiệp cùng thửa đất ở	Thường BCGMB trước thời hạn	Tổng Cộng					
						Hỗ trợ ổn định nghề nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách			Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất nông, lâm nghiệp cùng thửa đất ở			
						Hỗ trợ ổn định nghề nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách			Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất nông, lâm nghiệp cùng thửa đất ở			
						Hỗ trợ ổn định nghề nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách			Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất nông, lâm nghiệp cùng thửa đất ở			
13	Nguyễn Thị Thu Hương (SDD: 019069001309) - SĐT: 0974034028	TDP & Cải Đan	578.9	52,101,000	5,673,220	20,260,800	156,303,000						5,789,000	2,894,500	243,021,520	
14	Trần Thị Huyền (SDD: 019177002250) - SĐT: 0965634305	TDP & Cải Đan	480.2	43,218,000	4,705,960	3,376,800	129,654,000						4,802,000	2,401,000	188,157,760	
15	Trình Thị Thu Hiền (SDD: 019171001790) - SĐT: 0369882696	TDP & Cải Đan	421.1	37,515,400	25,612,180	20,260,800	112,546,200						4,211,000	2,105,500	202,251,080	
16	Dương Văn Đức (SDD: 019060006821) - SĐT: 0332411512	TDP 9, phường Bả Xuyên	1,013.6	91,224,000	9,933,280	13,507,200	273,672,000						10,136,000	5,068,000	403,540,480	
17	Phạm Thị Hải (SDD: 019156000717) - SĐT: 0368563280	TDP & Cải Đan	724.1	65,169,000	14,166,040	13,507,200	195,507,000						7,241,000	3,620,500	299,210,740	
18	Nguyễn Văn Luyện (SDD: 019062001141) - SĐT: 0344996770	TDP & Cải Đan	406.1	36,549,000	3,979,780	20,260,800	109,647,000						4,061,000	2,030,500	176,528,080	
19	Trình Thị Tân (SDD: 019171001830) - SĐT: 0388811772	TDP & Cải Đan	73.9	6,651,000	724,220	3,376,800	19,953,000						739,000	369,500	31,813,520	

ST	T	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5+6+...+14)	Tổng Cộng
	Tên chủ sử dụng đất, bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường về cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ nghề, hộ cận	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tại định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Các khoản hỗ trợ, thường khi Nhà nước thu hồi đất							
										Bồi thường, hỗ trợ tài sản							
20	Trần Thị Ưc Trần (SĐD: 038192031425, 019089003298) - Dan	410.3	36,927,000	4,020,940	13,507,200	110,781,000		4,103,000	2,051,500	171,390,640						171,390,640	
21	Ngô Thượng Bàng (SĐD: 019057004111) - Dan	318.1	28,629,000		6,753,600	85,887,000		3,181,000	1,590,500	126,041,100						126,041,100	
22	Trịnh Văn Xuyến (SĐD: 019063001211) - Dan	727.9	65,511,000	7,133,420	20,260,800	196,533,000		7,279,000	3,639,500	300,356,720						300,356,720	
23	Phạm Thị Quỳnh (SĐD: 0973503964) - Dan	355.4	31,986,000	3,482,920	27,014,400	95,958,000		3,554,000	1,777,000	163,772,320						163,772,320	
24	Phạm Văn Diên, Phạm Thị Hà (SĐD: 019067007800, 019168011003) - Dan	686.6	61,794,000	6,728,680	27,014,400	185,382,000		6,866,000	3,433,000	291,218,080						291,218,080	
25	Trịnh Minh Đức (SĐD: 019054006266) - Dan	61.2	5,508,000	599,760	47,275,200	16,524,000		612,000	306,000	70,824,960						70,824,960	
26	Lưu Thị Minh (SĐD: 019171001776) - Dan	364.3	32,787,000	3,570,140	20,260,800	98,361,000		3,643,000	1,821,500	160,443,440						160,443,440	



ST	Tên chủ sở hữu (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ tài sản	Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất	Tổng Cộng	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15) = (5) + (6) + ... + (14)
27	Vũ Thị Thanh, Đình Quang Thanh (SDD: 034156007628) - Đan	445.2	40,068,000	4,362,960	20,260,800	120,204,000	4,452,000	2,226,000	191,573,760												2,226,000	191,573,760
28	Nguyễn Văn Xuân (SDD: 019097000061) - Đan	977.9	87,631,600	9,052,260	3,376,800	262,894,800	9,779,000	4,889,500	377,623,960												4,889,500	377,623,960
29	Lê Thị Hải (SDD: 001172028877) - Lợi, Sông Công	290.3	26,127,000	2,844,940	10,130,400	78,381,000	2,903,000	1,451,500	121,837,840												1,451,500	121,837,840
30	Lê Thị Chúc (SDD: 019141001561) - Đan	154.4	13,896,000	1,513,120	16,884,000	41,688,000	1,544,000	772,000	76,297,120												772,000	76,297,120
31	Nguyễn Thị Đào, Trịnh Quang Thanh (SDD: 019164001359, 019058000870) - Đan	346.4	31,176,000	3,394,720	30,391,200	93,528,000	3,464,000	1,732,000	163,685,920												1,732,000	163,685,920
32	Nguyễn Thị Văn (SDD: 001156019716) - Đan	411.8	34,179,400	14,413,000	20,260,800	102,538,200	4,118,000	2,059,000	177,568,400												2,059,000	177,568,400
33	Lưu Thị Vỹ (SDD: 019161001011) - Lợi, Sông Công	175.1	15,759,000	1,715,980	23,637,600	47,277,000	1,751,000	875,500	91,016,080												875,500	91,016,080
34	Dương Thị An, Đình Quang Bình (SDD: 019057000852) - Đan	202.1	16,774,300		10,130,400	50,322,900	2,021,000	1,010,500	80,259,100												1,010,500	80,259,100

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)		Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất							Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Thưởng BGMB trước thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5+6+...+14)
35	Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Văn Trường (SDD: 019088013082) - SĐT: 0363033023	TDP 8 Cái Đan	429.6	38,664,000	4,210,080		16,884,000	115,992,000				4,296,000	2,148,000	182,194,080
36	Trịnh Thị Hằng (SDD: 019165009402) - SĐT: 0987618696	TDP 8 Cái Đan	106.5	9,585,000	1,043,700		13,507,200	28,755,000				1,065,000	532,500	54,488,400
37	Nguyễn Thị Vinh, Lê Văn Huệ (SDD: 019155000662) - SĐT: 0912260270	TDP 8 Cái Đan	1,197.1	102,353,900	6,713,160		30,391,200	307,061,700				11,971,000	5,985,500	464,476,460
38	Nguyễn Thị Loan, Vũ Văn Luyến (SDD: 019169007734) - SĐT: 0867052469	TDP 8 Cái Đan	69.5	6,255,000	681,100		6,753,600	18,765,000				695,000	347,500	33,497,200
39	Lê Thị Sen (SDD: 01915000682) - SĐT: 0394585540	TDP 8 Cái Đan	221.6	18,392,800	31,024,000		40,521,600	55,178,400				2,216,000	1,108,000	148,440,800
40	Đinh Quang Cảnh, Đỗ Thị Loan (SDD: 019067008460) - SĐT: 0342847885	TDP 8 Cái Đan	1,148.8	103,392,000	9,226,700		13,507,200	310,176,000				11,488,000	5,744,000	453,533,900
41	Đỗ Thị Lộc (SDD: 019133000051) - SĐT: 0394187146	TDP 8 Cái Đan	989.2	85,628,100	4,934,300		3,376,800	256,884,300				9,892,000	4,946,000	365,661,500
42	Đinh Quang Quý (SDD: 019070009516) - SĐT: 0337057000	TDP 8 Cái Đan	915.2	79,558,900	5,036,220		20,260,800	238,676,700				9,152,000	4,576,000	357,260,620

ST T	Tên chủ sử dụng đất (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
				Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Thưởng BGMB trước thời hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5+6+...+14)
43	Hoàng Trung Hiếu (SDD: 019082005931) - SDT: 0982487307	TDP 8 Cái Đan	346.4	31,176,000	3,394,720		20,260,800	93,528,000				3,464,000	1,732,000	153,555,520
44	Đào Thị Tiên (SDD: 019153004299) - SDT: 0382508766	TDP 8 Cái Đan	764.4	68,796,000	7,491,120		23,637,600	206,388,000				7,644,000	3,822,000	317,778,720
45	Đào Thị Điều (SDD: 019157002120)	TDP 8 Cái Đan	544.2	47,922,400	3,855,320		33,768,000	143,767,200				5,442,000	2,721,000	237,475,920
46	Lê Thị Xuân (SDD: 019141001864) - SDT: 0985693504	TDP 8 Cái Đan	432.7	37,498,900	2,218,720		16,884,000	112,496,700				4,327,000	2,163,500	175,588,820
47	Phạm Văn Lợi (SDD: 019049000155) - SDT: 0395130907	TDP 8 Cái Đan	256.7	23,103,000	6,674,200		27,014,400	69,309,000				2,567,000	1,283,500	129,951,100
48	Lương Thị Thái, Nguyễn Văn Kẹo (SDD: 019157000800) - SDT: 0356739327	TDP 8 Cái Đan	828.5	72,961,300	37,948,120		20,260,800	218,883,900				8,285,000	4,142,500	362,481,620
49	Trịnh Thị Lý, Phạm Văn Hùng (SDD: 019158001028, 019056000622) - SDT: 0974540856	TDP 7 Thăng Lợi	472.4	42,516,000	4,629,520		20,260,800	127,548,000				4,724,000	2,362,000	202,040,320
50	Nguyễn Thị Chảo (SDD: ...) - SDT: 0974323666	TDP 8 Cái Đan	8.6	774,000	84,280		16,884,000	2,322,000				86,000	43,000	20,193,280

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thương khi Nhà nước thu hồi đất							Tổng Cộng
					Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Thưởng BGMB trước thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5+6+...+14)
51	Nguyễn Văn Huân (SDD: 019185008567) - SDT: 0867934485	TDP 8 Cái Đan	686.0	61,740,000	6,722,800		20,260,800	185,220,000				6,860,000	3,430,000	284,233,600
52	Nguyễn Văn Kỳ (SDD: 019056000598) - SDT: 0394728574	TDP 8 Cái Đan	164.3	14,787,000	1,610,140		3,376,800	44,361,000				1,643,000	821,500	66,599,440
53	Đinh Quang Thảo (SDD: 019085002075) - SDT: 0399573292	TDP 11 Cái Đan	869.0	78,210,000	8,516,200		13,507,200	234,630,000				8,690,000	4,345,000	347,898,400
54	Phạm Văn Hiền (SDD: 019059000828) - SDT: 0344477050	TDP 11 Cái Đan	9.5	855,000	93,100		6,753,600	2,565,000				95,000	47,500	10,409,200
55	Đào Văn Nguyên (SDD: 019073001251) - SDT: 0983.997.389	TDP 15 Phố Cò	1,122.4	101,016,000	10,999,520		13,507,200	303,048,000				11,224,000	5,612,000	445,406,720
56	Lưu Thị Hoa (SDD: 019077004594) - SDT: 0983524277	TDP 5, phường Bá Xuyên	318.2	28,638,000	3,118,360		10,130,400	85,914,000				3,182,000	1,591,000	132,573,760
57	Bùi Thị Lan (SDD: 019154005183) - SDT: 0334688295	TDP 9 Cái Đan, phường Sóng Công	439.5	39,555,000	4,307,100		6,753,600	118,665,000				4,395,000	2,197,500	175,873,200
58	Đào Văn Thành, Nguyễn Thị Trà (SDD: 019076001950) - SDT: 0942061177	TDP 9 Cái Đan, phường Sóng Công	251.0	22,590,000	2,459,800		16,884,000	67,770,000				2,510,000	1,255,000	113,468,800

ST T	Tên chủ tài sản (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Diện tích thu hồi (m²)	Bồi thường về đất, bồi thường chỉ phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất								Tổng Cộng
				Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Thưởng BGMB trước thời hạn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5)+(6)+...+(14)
59	Đào Xuân Xứng (SDD: 036047003534) - SDT: 0984042463	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	109,1	9,819,000	1,069,180		20,260,800	29,457,000				1,091,000	545,500	62,242,480
60	Đinh Ngọc Khiêm (SDD: 019065001221) - SDT: 0984794913	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	442,6	38,173,400	3,629,920	32,811,100	23,637,600	114,520,200				4,426,000	2,213,000	219,411,220
61	Đinh Thị Châm (SDD: 019155000684) - SDT: 0395572470	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	234,9	21,141,000	2,302,020		20,260,800	63,423,000				2,349,000	1,174,500	110,650,320
62	Đỗ Thị Bón (SDD: 019150000683) - SDT: 0982108226	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	332,7	29,943,000	3,260,460		33,768,000	89,829,000				3,327,000	1,663,500	161,790,960
63	Hoàng Thị Tiến (SDD: 019159003464) - SDT: 0346297117	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	986,7	88,803,000	9,669,660		20,260,800	266,409,000				9,867,000	4,933,500	399,942,960
64	Lưu Thị Phú (SDD: 019171007058) - SDT: 0383572261	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	45,3	4,077,000	443,940		16,884,000	12,231,000				453,000	226,500	34,315,440
65	Lưu Văn Cử (SDD: 019063004860) - SDT: 0917834196	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	175,8	15,822,000	1,722,840		16,884,000	47,466,000				1,758,000	879,000	84,531,840
66	Nguyễn Thị Bích (SDD: 019171001795) - SDT: 0982108226	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	642,3	56,402,100	4,327,680		3,376,800	169,206,300				6,423,000	3,211,500	242,947,380

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản		Các khoản hỗ trợ, thưởng khi Nhà nước thu hồi đất							Tổng Cộng
					Bồi thường cây hằng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh; Hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Thưởng BGMB trước thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(5+6+...+14)
67	Nguyễn Thị Minh (SDD: 019151002055) - SĐT: 0362040133	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	528.8	45,058,000	6,992,880		23,637,600	135,174,000				5,288,000	2,644,000	218,794,480
68	Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Thị Cường (SDD: 019077008414) - SĐT: 0355142577	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	30.4	2,736,000	297,920		13,507,200	8,208,000				304,000	152,000	25,205,120
69	Nguyễn Xuân Hòa, Trần Thị Thu Thủy (SDD: 019073010084) - SĐT: 0395878992	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	686.2	61,758,000	6,724,760		10,130,400	185,274,000				6,862,000	3,431,000	274,180,160
70	Nguyễn Xuân Tuyền (SDD: 019070011949) - SĐT: 03443319790	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	312.1	28,089,000	3,058,580		20,260,800	84,267,000				3,121,000	1,560,500	140,356,880
71	Trần Hồng Phú (SDD: ...)	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	269.8	24,282,000	2,644,040			72,846,000				2,698,000	1,349,000	103,819,040
72	Trịnh Quang Dục (SDD: 019063001203) - SĐT: 0388416360	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	518.4	46,656,000	5,080,320		20,260,800	139,968,000				5,184,000	2,592,000	219,741,120
73	Trịnh Quang Soạn, Lưu Thị Phương (SDD: 019173007728, 019069001774) - SĐT: 0357090907	TDP 9 Cái Đan, phường Sông Công	785.6	70,704,000	7,698,880		10,130,400	212,112,000				7,856,000	3,928,000	312,429,280

ST T	Tên chủ sự nghiệp (Số định danh của QIDĐ và chỉ nhân, số điện thoại) 11 	Diện tích thu hồi (m ²)	Bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại	Bồi thường, hỗ trợ tài sản										Các khoản hỗ trợ, thương khi Nhà nước thu hồi đất										Tổng Cộng
				Bồi thường cây hàng năm	Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, nhà ở, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi	Hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ thuê nhà, thuê địa điểm kinh doanh, hỗ trợ di chuyển tài sản	Hỗ trợ gia đình chính sách	Hỗ trợ tái định cư	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ đất vườn, ao, đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Thương BGM trước thời hạn												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15) = (5) + (6) + ... + (14)										
74	Trình Xuân Bạt, Lê Thị Lan (SD: 019065007784, 019166007766) - SDT: 0985846822	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	13.1	1,179,000	128,380		20,260,800	3,537,000				131,000	65,500	25,301,680										
75	Vũ Thị Thanh Tâm (SD: 019172007536) - SDT: 0352339251	TDP 9 Cải Đan, phường Sông Công	318.2	28,638,000	3,118,360		13,507,200	85,914,000				3,182,000	1,591,000	135,950,560										
76	Nguyễn Thị Uyên (SD: 019178009600) - SDT: 0367006856	TDP Làng Mới, phường Bách Quang	447.7	40,293,000	4,387,460		13,507,200	120,879,000				4,477,000	2,238,500	185,782,160										
77	Trần Thị Hồng Thơm (SD: 019187002142) - SDT: 0989738744	TDP Trường Thịnh, phường Vạn Xuân	418.8	37,692,000	4,104,240		23,637,600	113,076,000				4,188,000	2,094,000	184,791,840										
78	Đinh Thị Lạc (SD: 019164000929) - SDT: 0385938970	TDP 16, Phố Cò	1.6	144,000	15,680		20,260,800	432,000				16,000	8,000	20,876,480										
TỔNG CỘNG:			34,219.2	3,050,661,700	415,779,980	32,811,100	1,330,459,200	9,151,985,100				342,192,000	171,096,000	14,494,985,080										
B	CHI PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN:														289,899,701									
A+ B	TỔNG DỰ TOÁN:														14,784,884,781									